

## CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

(Ban hành theo Quyết định số 609A/QĐ-ĐHTT ngày 21 tháng 8 năm 2018  
của Hiệu trưởng trường Đại học Tân Trào)

**Tên chương trình** : Chương trình đào tạo Cử nhân Văn học

**Trình độ đào tạo** : Đại học

**Ngành đào tạo** : Văn học (Chuyên ngành Văn - Truyền thông)

**Mã ngành** : 7229030

**Loại hình đào tạo** : Chính quy

### 1. Mục tiêu đào tạo

Đào tạo Cử nhân Văn học - Truyền thông trình độ Đại học có phẩm chất đạo đức tốt, thấm nhuần thế giới quan Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh, yêu nước, yêu chủ nghĩa xã hội; có phong cách làm việc khoa học; có kiến thức cơ bản và chuyên sâu về ngôn ngữ học tiếng Việt, lí luận văn học, văn học, phương pháp luận nghiên cứu và phê bình văn học; có kiến thức cơ bản về văn hoá, văn học, ngôn ngữ địa phương; có kiến thức cơ bản về truyền thông; có khả năng sưu tầm văn học dân gian; biết cảm nhận, phân tích, đánh giá, nghiên cứu và phê bình văn học; có kĩ năng truyền thông nhằm đáp ứng nguồn nhân lực cho tỉnh Tuyền Quang nói riêng và cả nước nói chung.

### 2. Chuẩn đầu ra

Người học tốt nghiệp ngành Văn học (chuyên ngành Văn - Truyền thông) phải đạt được các tiêu chuẩn sau:

Mã CDR	Nội dung CDR
<b>Về kiến thức</b>	
CDR 1	Sinh viên ngành Văn học - Truyền thông sau khi tốt nghiệp có những kiến thức cơ bản về giáo dục đại cương, khoa học xã hội và nhân văn, chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về lĩnh vực văn học, văn hóa nghệ thuật, giáo dục thể chất và giáo dục quốc phòng - an ninh.
CDR 2	Có kiến thức cơ bản về văn hóa, ngôn ngữ tiếng Việt, văn học dân gian, văn học viết Việt Nam, văn học thế giới, phương pháp sưu tầm văn học dân gian, phương pháp luận nghiên cứu và phê bình văn học, văn hoá, Hán ngữ cơ sở, văn học và ngôn ngữ địa phương...

CĐR 3	Có kiến thức cơ bản về đại cương truyền thông, các loại hình báo chí - truyền thông, truyền thông đa phương tiện, lao động nhà báo, pháp luật và đạo đức nghề nghiệp nhà báo, tác phẩm báo chí, ngôn ngữ báo chí, tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí...
CĐR 4	Tin học: Có trình độ Tin học đạt Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin cơ bản (theo Thông tư số 03/2014/TT-BTTTT ngày 11/3/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định Chuẩn kỹ năng sử dụng công nghệ thông tin); Ngoại ngữ: đạt trình độ ngoại ngữ Tiếng Anh B trở lên.
<b>Về kỹ năng</b>	
<b>Kỹ năng cứng</b>	
CĐR 5	Có kỹ năng đọc - hiểu văn bản; biết phân tích, đánh giá một tác phẩm văn học, một tác giả, một giai đoạn, một trào lưu văn học, hiện tượng văn học; biết sưu tầm văn học dân gian, nghiên cứu và phê bình văn học.
CĐR 6	Có kỹ năng cơ bản về thực hành báo chí, truyền thông.
CĐR 7	Có kỹ năng thuyết trình và giao tiếp, biết làm việc độc lập, làm việc nhóm hiệu quả, hội nhập được trong các môi trường làm việc phù hợp.
<b>Kỹ năng mềm</b>	
CĐR 8	Biết phát hiện, phân tích, xử lý tình huống, giải quyết vấn đề nảy sinh trong thực tiễn hoạt động nghề nghiệp, đáp ứng những yêu cầu của xã hội; Có phương pháp làm việc khoa học và chuyên nghiệp; có kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giao tiếp và làm việc hiệu quả theo nhóm, hội nhập được trong các môi trường làm việc;
CĐR 9	Biết sử dụng máy móc, trang thiết bị nghe, nhìn... phục vụ nghiên cứu văn học và truyền thông; biết tự học, tự nghiên cứu và thích ứng với yêu cầu nghề nghiệp; Có khả năng sử dụng công nghệ thông tin và một số phần mềm ứng dụng liên quan đến chuyên ngành đào tạo; Có vốn tiếng Anh chuyên ngành để có thể đọc, dịch tài liệu về Văn học – Truyền thông; Có khả năng cập nhật liên tục các kiến thức mới về chuyên ngành và nghề nghiệp nhằm nắm bắt kịp thời nhu cầu và xu thế phát triển của thời đại.
<b>Về thái độ, năng lực tự chủ</b>	
CĐR 10	Có thể giới quan, nhân sinh quan và phương pháp luận đúng đắn trong học tập, giải thích và vận dụng hiểu biết đó vào việc giải quyết những vấn đề trong thực tiễn liên quan đến văn học, truyền thông; hiểu và chấp hành nghiêm chỉnh đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước
CĐR 11	Năng động sáng tạo, biết đúc rút kinh nghiệm, áp dụng lí luận vào thực

	tiền nghề nghiệp; sẵn sàng học tập ở trình độ cao hơn; có ý thức làm việc độc lập, sáng tạo, có tinh thần đoàn kết, hợp tác, tương trợ đồng nghiệp.
CĐR 12	Biết yêu quý, trân trọng và có ý thức giữ gìn, phát huy những giá trị nhân văn cao đẹp của văn hóa, văn học nhân loại và ngôn ngữ dân tộc; có niềm đam mê văn học và truyền thông; có ý thức góp phần xây dựng một đời sống văn học và truyền thông lành mạnh, ngày càng phát triển, góp phần giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt và nâng cao đời sống tinh thần của người Việt Nam.
<b>Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp</b>	
CĐR 13	Hoạt động văn học nghệ thuật tại Hội Văn học Nghệ thuật các tỉnh và các cơ quan, tổ chức khác có liên quan đến hoạt động văn học.
CĐR 14	Làm việc tại các cơ quan liên quan đến văn hóa, thông tin và truyền thông (Sở Thông tin và Truyền thông, Phòng Văn hóa - Thông tin, cơ quan báo...).
CĐR 15	Làm nghiên cứu viên tại các cơ sở nghiên cứu (Viện nghiên cứu Văn học, Viện nghiên cứu Văn hóa...).
<b>Khả năng phát triển và nâng cao trình độ</b>	
CĐR 16	Biết tự học, tự nghiên cứu để nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ.
CĐR 17	Tiếp tục học tập ở chuyên ngành gần hoặc bậc học cao hơn.

### 3. Ma trận các học phần và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra															
		Kiến thức				Kĩ năng					Thái độ, năng lực tự chủ	Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp			Khả năng PT NC TD		
Mã HP	Học phần	C Đ	C Đ	C Đ	C Đ	Cứng			Mềm			C Đ	C Đ	C Đ	C Đ	C Đ	C Đ
		R 1	R 2	R 3	R 4	C Đ	C Đ	C Đ	C Đ	C Đ	C Đ						
<b>A. Kiến thức GD đại cương</b>																	
<b>I. Lí luận chính trị</b>																	
LL2.1.001.2	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1	2				1				2	1				1		1

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng					Thái độ, năng lực tự chủ			Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp			Khả năng PT NC TD	
		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	Cứng			Mềm									
		R1	R2	R3	R4	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ
LL2.1.002.3	Những nguyên lí cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2	2				1				2	1			1			1	1
LL2.1.003.2	TT Hồ Chí Minh	2				1				2	1			1			1	1
LL2.1.004.3	Đường lối CM của Đảng CS VN	2				1				2	1			1			1	1
<b>II. Khoa học Xã hội - Nhân văn - Nghệ thuật</b>																		
XH2.1.001.2	Tiếng Việt TH		2	2		1	1	1	1	1		1	1	1	1	1	1	1
LL2.1.006.2	Mĩ học đại cương	2	1	1		1	1	1		1			1	1	1	1	1	1
LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	1	1									1	1	1		1	1
TL2.1.011.2	Kĩ năng giao tiếp		1	1	1	1	1	2		1	1		1	1	1	1	1	1
<b>III. Ngoại ngữ</b>																		
NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		1	1	2		1	1	1	1				1	1		1	1
NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2		1	1	2		1	1	1	1				1	1		1	1
NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3		1	1	2		1	1	1	1				1	1		1	1
NN2.1.004.3	Tiếng Anh 4		1	1	2		1	1	1	1				1	1		1	1
<b>IV. Tin học – Khoa học Tự nhiên – CN môi trường</b>																		
TN2.1.501.2	Tin học đại cương			1	2		1	1	1	1				1	1	1	1	1
<b>V. Giáo dục thể chất</b>																		
<i>V.1. Học phần bắt buộc</i>																		
TC2.1.001.2	GD Thể chất 1 (Bơi lội 1)	2												1	1	1		
<i>V.2. Học phần tự chọn 1 (chọn 1 trong 6 học phần)</i>																		
TC2.1.002.3	GD Thể chất 2 (Bóng đá 1)	1												1	1	1		
TC2.1.003.3	GD Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	1												1	1	1		
TC2.1.004.3	GD Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	1												1	1	1		

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																	
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng					Thái độ, năng lực tự chủ			Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp			Khả năng PT NC TD		
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	Cứng			Mềm		C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	C Đ R 15	C Đ R 16	C Đ R 17	
						C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9									
TC2.1.005.3	GD Thể chất 2 (Cầu lông 1)	1													1	1	1		
TC2.1.006.3	GD Thể chất 2 (Võ thuật 1)	1													1	1	1		
TC2.1.007.3	GD Thể chất 2 (Điền kinh 1)	1													1	1	1		
TC2.1.017.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	1													1	1	1		
TC2.1.020.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 2)	1													1	1	1		
<i>V.3. Học phần tự chọn 2 (chọn 1 trong 6 học phần)</i>																			
TC2.1.008.2	GD Thể chất 3 (Bóng đá 2)	1													1	1	1		
TC2.1.009.2	GD Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	1													1	1	1		
TC2.1.010.2	GD Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	1													1	1	1		
TC2.1.011.2	GD Thể chất 3 (Cầu lông 2)	1													1	1	1		
TC2.1.012.2	GD Thể chất 3 (Võ thuật 2)	1													1	1	1		
TC2.1.013.2	GD Thể chất 3 (Điền kinh 2)	1													1	1	1		
TC2.1.018.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	1													1	1	1		
TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 3)	1													1	1	1		
<b>VI. Giáo dục Quốc phòng - An ninh</b>																			
TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 1	2													1	1	1		

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng					Thái độ, năng lực tự chủ			Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp			Khả năng PT NC TD	
		CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	Cứng			Mềm									
		R1	R2	R3	R4	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ	CĐ
TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 2	2												1	1	1		
TC2.1.016.3	Giáo dục Quốc phòng – An ninh 3	2												1	1	1		
<b>B. Kiến thức GD chuyên nghiệp</b>																		
<b>I. Kiến thức cơ sở ngành</b>																		
VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	1	1		1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1
LL2.1.008.2	Lôgic học	2	1	1		1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1
XH2.1.003.2	Lịch sử văn minh thế giới	2	1	1		1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1
LL2.1.009.2	Lịch sử tư tưởng phương Đông	2	1	1		1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1
XH2.1.005.2	Cơ sở ngôn ngữ học	2	1	2		2	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1
XH2.1.024.2	ĐC các loại hình nghệ thuật	2	1	1		1	1	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1
XH2.1.007.2	Cơ sở lí luận báo chí	1	1	2		1	2	1		1	1	1	1	1	1	1	1	1
<b>II. Kiến thức ngành</b>																		
<b>1. Môn Văn học</b>																		
<i>1.1. Học phần bắt buộc</i>																		
XH2.1.009.2	Tổng quan văn học Việt Nam		2			1		1		1	1	1	1	2		2	2	2
XH2.1.010.3	Văn học dân gian Việt Nam		2			1		1		1	1	1	1	2		2	2	2
XH2.1.011.2	VHDG các DT thiểu số Việt Nam		2			1		1		1	1	1	1	2		2	2	2
XH2.1.006.3	Văn học Việt Nam trung đại		2			1		1		1	1	1	1	2		2	2	2
XH2.1.008.4	Văn học Việt Nam hiện đại		2			1		1		1	1	1	1	2		2	2	2
XH2.1.012.2	VH hiện đại các DT thiểu số VN		2			1		1		1	1	1	1	2		2	2	2

Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng					Thái độ, năng lực tự chủ			Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp			Khả năng PT NC TD	
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	Cứng			Mềm									
						C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9	C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	C Đ R 15	C Đ R 16	C Đ R 17
XH2.1.004.3	Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm		2			1		1		1	1	1	1	2		2	1	1
XH2.1.013.3	Văn học thế giới		2			1		1		1	1	1	1			2	2	2
XH2.1.020.2	Ngữ âm tiếng Việt hiện đại		2			1		1		1	1	1	1			2	1	1
XH2.1.015.2	Từ vựng – Ngữ nghĩa tiếng Việt		2			1		1		1	1	1	1			2	1	1
XH2.1.014.2	Ngữ pháp tiếng Việt		2			1		1		1	1	1	1			2	1	1
XH2.1.018.2	Văn bản tiếng Việt		2			1		1		1	1	1	1			2	1	1
XH2.1.016.2	Phong cách học tiếng Việt		2			1		1		1	1	1	1			2	1	1
XH2.1.017.2	Ngữ dụng học tiếng Việt		2			1		1		1	1	1	1			2	1	1
XH2.1.064.2	Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại		2			1		1		1	1	1	1			2	1	1
XH2.1.026.2	Lí luận văn học 1 (Nguyên lí lí luận văn học)		2			1		1		1	1	1	2			2	2	2
XH2.1.025.2	Lí luận văn học 2 (Tác phẩm và loại thể văn học)		2			1		1		1	1	1	2			2	2	2
XH2.1.021.2	Lí luận văn học 3 (Tiến trình văn học)		2			1		1		1	1	1	2			2	2	2
XH2.1.022.2	VH địa phương Tuyên Quang		2			1		1		1	1	1	2			2	2	2
XH2.1.065.2	Phương pháp nghiên cứu, phê bình Văn học		2			2						1				2	1	1
XH2.1.066.3	Phương pháp sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian		2			2						1				2	1	1





Các học phần trong CTĐT		Chuẩn đầu ra																
Mã HP	Học phần	Kiến thức				Kĩ năng					Thái độ, năng lực tự chủ			Vị trí việc làm sau khi tốt nghiệp			Khả năng PT NC TD	
		C Đ R 1	C Đ R 2	C Đ R 3	C Đ R 4	Cứng			Mềm		C Đ R 10	C Đ R 11	C Đ R 12	C Đ R 13	C Đ R 14	C Đ R 15	C Đ R 16	C Đ R 17
						C Đ R 5	C Đ R 6	C Đ R 7	C Đ R 8	C Đ R 9								
XH2.1.043.2	Truyền thông quốc tế			2		2		1	1	1	1	1		2		2	2	
XH2.1.044.2	Tổ chức và hoạt động của tòa soạn			2		2		1	1	1	1	1		2		2	2	
XH2.1.045.2	Biên tập báo chí			2		2		1	1	1	1	1		2		2	2	
<b>III. Thực tập</b>																		
XH2.1.046.4	Thực tập 1 (Văn học)		2		2		1		2	2	2	2	2		2	2	2	
XH2.1.047.4	Thực tập 2 (Truyền thông)			2	1	2	1	2	2	2	2	2		2		2	2	
<b>IV. Khóa luận tốt nghiệp/ Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>																		
<b>1. Khóa luận tốt nghiệp</b>																		
XH2.1.063.6	Khóa luận tốt nghiệp	1	2	2		2	2	2	1	2	2	2	2	2	2	2	2	
<b>2. Các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>																		
XH2.1.048.3	Phương ngữ học tiếng Việt		2		2		1		1		1	2	2		2	2	2	
XH2.1.057.3	Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ		2		2		2		2		1	2	2		2	2	2	

**4. Thời gian đào tạo:** 04 năm (08 học kì)

**5. Khối lượng kiến thức toàn khóa:** 137 tín chỉ (Không kể các học phần về Giáo dục Thể chất và Giáo dục Quốc phòng - An ninh).

- Kiến thức giáo dục đại cương: 30 tín chỉ.

- Kiến thức cơ sở ngành: 14 tín chỉ.

- Kiến thức ngành: 79 tín chỉ. Trong đó:

+ Kiến thức chuyên ngành Văn học: 55 tín chỉ.

+ Kiến thức chuyên ngành Truyền thông: 24 tín chỉ.

- Thực tập: 08 tín chỉ.

- Khóa luận tốt nghiệp hoặc các học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp: 06 tín chỉ.

**6. Đối tượng tuyển sinh**

- Thí sinh có hộ khẩu thường trú tại Tuyên Quang và các tỉnh, thành phố trên phạm vi toàn quốc và có đủ yêu cầu: tốt nghiệp Trung học phổ thông hoặc tương đương; đảm bảo sức khỏe để học tập và công tác lâu dài.

- Phương thức tuyển sinh theo quy định của Bộ Giáo dục & Đào tạo.

## 7. Quy trình đào tạo, điều kiện tốt nghiệp

Thực hiện theo các văn bản sau:

Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về ban hành Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

## 8. Thang điểm

Thực hiện theo các văn bản sau:

Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ;

Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về ban hành Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ.

## 9. Nội dung chương trình

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
<b>A. Kiến thức giáo dục đại cương</b>			<b>30</b>					
<b>I. Lí luận chính trị</b>			<b>10</b>					
1	LL2.1.001.2	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác – Lênin 1	2	21	9		x	
2	LL2.1.002.3	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác – Lênin 2	3	30	15		x	
3	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	2	21	9		x	
4	LL2.1.004.3	Đường lối CM của Đảng Cộng sản Việt Nam	3	30	15		x	
<b>II. Ngoại ngữ</b>			<b>10</b>					
5	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1	3	30	15		x	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
6	NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	2	15	15		x	
7	NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	2	15	15		x	
8	NN2.1.004.3	Tiếng Anh 4	3	30	15		x	
<b>III. Tin học</b>			<b>02</b>				<b>x</b>	
9	TN2.1.501.2	Tin học đại cương	2	15	15		x	
<b>IV. Khoa học Xã hội</b>			<b>08</b>					
10	XH2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành	2	15	15		x	
11	LL2.1.006.2	Mĩ học đại cương	2	15	15		x	
12	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương	2	15	15		x	
13	TL2.1.011.2	Kĩ năng giao tiếp	2	15	15		x	
<b>V. Giáo dục Thể chất</b>			<b>7</b>					
<i>V1. Học phần bắt buộc</i>								
14	TC2.1.001.2	Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1)	2	2		28	x	
<i>V.2. Học phần tự chọn 1 (chọn 1/6 học phần)</i>								
15	TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	3	4		41		x
16	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	3	4		41		x
17	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1)	3	4		41		x
18	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	3	3		42		x
19	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	3	2		43		x
20	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	3	4		41		x
21	TC2.1.017.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	3	3		42		x
22	TC2.1.020.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 2)	3	3		42		x
<i>V.3. Học phần tự chọn 2 (chọn 1/6 học phần)</i>								
23	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	2	2		28		x
24	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3	2	2		28		x

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
		(Bóng bàn 2)						
25	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyên 2)	2			30		x
26	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	2	2		28		x
27	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	2	2		28		x
28	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	2	2		28		x
29	TC2.1.018.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	2			30		x
30	TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 3)	2			30		x
<b>VI. Giáo dục Quốc phòng – An ninh</b>			<b>8</b>					
31	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1	3	45			x	
32	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2	2	30			x	
33	TC2.1.016.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3	3	17		28	x	
<b>B. Kiến thức giáo dục chuyên nghiệp</b>			<b>107</b>					
<b>I. Kiến thức cơ sở ngành</b>			<b>14</b>					
34	VD2.1.091.2	Cơ sở văn hóa Việt Nam	2	15	15		x	
35	LL2.1.008.2	Lôgic học	2	15	15		x	
36	XH2.1.003.2	Lịch sử văn minh thế giới	2	15	15		x	
37	LL2.1.009.2	Lịch sử tư tưởng phương Đông	2	15	15		x	
38	XH2.1.005.2	Cơ sở ngôn ngữ học	2	15	15		x	
39	XH2.1.024.2	Đại cương các loại hình nghệ thuật	2	15	15		x	
40	XH2.1.007.2	Cơ sở lí luận báo chí	2	15	15		x	
<b>II. Kiến thức ngành</b>			<b>79</b>					
<b>II.1. Chuyên ngành Văn học</b>			<b>55</b>					
<i>II.1.1. Học phần bắt buộc</i>			<b>53</b>					
41	XH2.1.009.2	Tổng quan văn học Việt	2	15	15		x	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
		Nam						
42	XH2.1.010.3	Văn học dân gian Việt Nam	3	30	15		x	
43	XH2.1.011.2	Văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam	2	15	15		x	
44	XH2.1.006.3	Văn học Việt Nam trung đại	3	30	15		x	
45	XH2.1.008.4	Văn học Việt Nam hiện đại	4	30	30		x	
46	XH2.1.012.2	Văn học hiện đại các dân tộc thiểu số Việt Nam	2	15	15		x	
47	XH2.1.004.3	Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm	3	30	15		x	
48	XH2.1.013.3	Văn học thế giới	3	30	15		x	
49	XH2.1.020.2	Ngữ âm tiếng Việt hiện đại	2	15	15		x	
50	XH2.1.015.2	Từ vựng - Ngữ nghĩa tiếng Việt	2	15	15		x	
51	XH2.1.014.2	Ngữ pháp tiếng Việt	2	15	15		x	
52	XH2.1.018.2	Văn bản tiếng Việt	2	15	15		x	
53	XH2.1.016.2	Phong cách học tiếng Việt	2	15	15		x	
54	XH2.1.017.2	Ngữ dụng học tiếng Việt	2	15	15		x	
55	XH2.1.064.2	Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại	2	15	15		x	
56	XH2.1.026.2	Lí luận văn học 1 (Nguyên lí lí luận văn học)	2	15	15		x	
57	XH2.1.025.2	Lí luận văn học 2 (Tác phẩm và loại thể văn học)	2	15	15		x	
58	XH2.1.021.2	Lí luận văn học 3 (Tiến trình văn học)	2	15	15		x	
59	XH2.1.022.2	Văn học địa phương Tuyên Quang	2	15	15		x	
60	XH2.1.065.4	Phương pháp nghiên cứu, phê bình Văn học	4	15	15	30	x	
61	XH2.1.066.3	Phương pháp sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian	3	15		30	x	
62	XH2.1.067.2	Kĩ năng đọc - hiểu văn bản	2	10	20		x	
<i>II.1.2. Học phần tự chọn (chọn 1/4 học phần)</i>			<b>02</b>					
63	XH2.1.031.2	Thi pháp văn học Việt Nam trung đại	2	15	15			X

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
64	XH2.1.032.2	Thành ngữ trong văn bản nghệ thuật	2	15	15			X
65	XH2.1.033.2	Từ trong hoạt động giao tiếp	2	15	15			X
66	XH2.1.056.2	Thực tế Văn học	2	2	3	25		X
<b>II.2. Chuyên ngành Truyền thông</b>			<b>24</b>					
<i>II.2.1. Học phần bắt buộc</i>			<b>22</b>					
67	XH2.1.023.2	Đại cương truyền thông	2	15	15		x	
68	XH2.1.034.2	Lao động nhà báo	2	15	15		x	
69	XH2.1.035.2	Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp nhà báo	2	15	15		x	
70	XH2.1.036.3	Các loại hình báo chí – truyền thông	3	30	15		x	
71	XH2.1.037.2	Truyền thông đa phương tiện	2	15	15		x	
72	XH2.1.038.2	Tác phẩm báo chí	2	15	15		x	
73	XH2.1.039.3	Tin, phóng sự, bình luận	3	15	30		x	
74	XH2.1.040.2	Ảnh báo chí	2	15	15		x	
75	XH2.1.041.2	Ngôn ngữ báo chí	2	15	15		x	
76	XH2.1.042.2	Tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí	2	15	15		x	
<i>II.2.2. Học phần tự chọn (chọn 1/3 học phần)</i>			<b>02</b>					
77	XH2.1.043.2	Truyền thông quốc tế	2	15	15			X
78	XH2.1.044.2	Tổ chức và hoạt động của tòa soạn	2	15	15			X
79	XH2.1.045.2	Biên tập báo chí	2	15	15			X
<b>III. Thực tập</b>			<b>08</b>					
80	XH2.1.046.4	Thực tập 1 (Văn học)	4			60	x	
81	XH2.1.047.4	Thực tập 2 (Truyền thông)	4			60	x	
<b>IV. Khóa luận tốt nghiệp /Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>			<b>06</b>					
<b>IV.1. Khóa luận tốt nghiệp</b>								
82	XH2.1.063.6	Khóa luận tốt nghiệp	6			90	x	
<b>IV.2. Học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp</b>								
83	XH2.1.048.3	Phương ngữ học tiếng Việt	3	15	30		x	

S T T	Mã học phần	Tên học phần	Số tín chỉ	Số giờ tín chỉ			Loại học phần	
				Lí thuyết	Bài tập, xê-mi-na, thảo luận	Thực hành, thực tế	Bắt buộc	Tự chọn
84	XH2.1.057.3	Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ	3	15	15	15	x	
<b>Tổng số tín chỉ toàn khóa</b> (Không tính Giáo dục Thể chất, Giáo dục Quốc phòng – An ninh)			<b>137</b>					

### 10. Kế hoạch giảng dạy (Dự kiến)

Số T T	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
1	TC2.1.014.3	Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1		3		3							
2	TC2.1.015.2	Giáo dục Quốc - An ninh 2	TC2.1.014.3	2		2							
3	TC2.1.016.3	Giáo dục Quốc - An ninh 3	TC2.1.015.2	3		3							
4	TC2.1.001.2	Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1)		2	2								
<i>Tự chọn 1 (Chọn 1/8 học phần)</i>													
5	TC2.1.002.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1)	TC2.1.001.2	3		3							
6	TC2.1.003.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1)	TC2.1.001.2	3		3							
7	TC2.1.004.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chày 1)	TC2.1.001.2	3		3							
8	TC2.1.005.3	Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1)	TC2.1.001.2	3		3							
9	TC2.1.006.3	Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1)	TC2.1.001.2	3		3							
10	TC2.1.007.3	Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1)	TC2.1.001.2	3		3							
11	TC2.1.017.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1)	TC2.1.001.2	3		3							
12	TC2.1.020.3	Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 1)	TC2.1.001.2	3		3							
<i>Tự chọn 2 (Chọn 1/8 học phần)</i>													
13	TC2.1.008.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2)	TC2.1.002.3	2			2						

Số T T	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
14	TC2.1.009.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2)	TC2.1.003.3	2			2						
15	TC2.1.010.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2)	TC2.1.004.3	2			2						
16	TC2.1.011.2	Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2)	TC2.1.005.3	2			2						
17	TC2.1.012.2	Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2)	TC2.1.006.3	2			2						
18	TC2.1.013.2	Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2)	TC2.1.007.3	2			2						
19	TC2.1.018.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2)	TC2.1.017.3	2			2						
20	TC2.1.021.2	Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 2)	TC2.1.020.3	2			2						
21	LL2.1.001.2	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác - Lênin 1		2	2								
22	NN2.1.001.3	Tiếng Anh 1		3	3								
23	TN2.1.501.2	Tin học đại cương		2	2								
24	VD2.1.091. 2	Cơ sở văn hóa Việt Nam		2	2								
25	XH2.1.003.2	Lịch sử văn minh thế giới		2	2								
26	XH2.1.005.2	Cơ sở ngôn ngữ học		2	2								
27	XH2.1.009.2	Tổng quan văn học Việt Nam	XH2.1.002.2	2	2								
28	XH2.1.026.2	Lí luận văn học 1 (Nguyên lí lí luận văn học)		2	2								
29	LL2.1.002.3	Những nguyên lí cơ bản của CN Mác - Lênin 2	LL2.1.001.2	3		3							
30	NN2.1.002.2	Tiếng Anh 2	NN2.1.001.3	2		2							
31	XH2.1.025.2	Lí luận văn học 2 (Tác phẩm và loại thể văn học)	XH2.1.026.2	2		2							
32	XH2.1.007.2	Cơ sở lí luận báo chí		2		2							



Số T T	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
33	XH2.1.0103	Văn học dân gian Việt Nam	XH2.1.0092	3		3							
34	XH2.1.011.2	Văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam	XH2.1.0103	2		2							
35	XH2.1.020.2	Ngữ âm tiếng Việt hiện đại	XH2.1.0052	2		2							
36	XH2.1.023.2	Đại cương truyền thông		2		2							
37	LL2.1.003.2	Tư tưởng Hồ Chí Minh	LL2.1.0023	2			2						
38	LL2.1.006.2	Mĩ học đại cương	LL2.1.001.2	2			2						
39	LL2.1.007.2	Pháp luật đại cương		2			2						
40	NN2.1.003.2	Tiếng Anh 3	NN2.1.002.2	2			2						
41	LL2.1.008.2	Lôgic học	LL2.1.001.2	2			2						
42	LL2.1.009.2	Lịch sử tư tưởng phương Đông	LL2.1.001.2	2			2						
43	XH2.1.004.3	Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm		3			3						
44	XH2.1.015.2	Từ vựng - Ngữ nghĩa tiếng Việt	XH2.1.020.2	2			2						
45	XH2.1.024.2	Đại cương các loại hình nghệ thuật		2			2						
46	LL2.1.004.3	Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam	LL2.1.003.2	3				3					
47	XH2.1.006.3	Văn học Việt Nam trung đại	XH2.1.010.3	3				3					
48	XH2.1.008.4	Văn học Việt Nam hiện đại	XH2.1.006.3	4				4					
49	XH2.1.014.2	Ngữ pháp tiếng Việt	XH2.1.015.2	2				2					
50	XH2.1.034.2	Lao động nhà báo	XH2.1.007.2	2				2					
51	XH2.1.021.2	Lí luận văn học 3 (Tiền trình văn học)	XH2.1.025.2	2				2					
52	NN2.1.004.3	Tiếng Anh 4	NN2.1.003.2	3				3					
53	XH2.1.012.2	Văn học hiện đại các DT thiểu số VN	XH2.1.008.4	2					2				



Số T T	Mã học phần	Tên học phần	Điều kiện tiên quyết	Số TC	Học kì								
					1	2	3	4	5	6	7	8	
74	XH2.1.039.3	Tin, phóng sự, bình luận	XH2.1.038.2	3								3	
75	XH2.1.040.2	Ảnh báo chí	XH2.1.036.2	2								2	
76	XH2.1.041.2	Ngôn ngữ báo chí	XH2.1.038.2	2								2	
77	XH2.1.042.2	Tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí	XH2.1.041.2	2								2	
78	XH2.1.001.2	Tiếng Việt thực hành		2								2	
79	XH2.1.013.3	Văn học thế giới		3								3	
80	XH2.1.067.2	Kỹ năng đọc - hiểu văn bản		2									2
81	XH2.1.047.4	Thực tập 2	XH2.1.042.2	4									4
82	XH2.1.063.6	Khóa luận tốt nghiệp	XH2.1.027.2	6									6
83	XH2.1.048.3	Phương ngữ học tiếng Việt	XH2.1.018.2	3									3
84	XH2.1.057.3	Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ	XH2.1.018.2	3									3
<b>Cộng</b> (không tính GD Thể chất và GD Quốc phòng - An ninh)				<b>137</b>	<b>17</b>	<b>18</b>	<b>19</b>	<b>19</b>	<b>19</b>	<b>15</b>	<b>18</b>	<b>12</b>	

## 11. Mô tả văn tắt học phần

### 11.1. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Không.

Giới thiệu khái lược về chủ nghĩa Mác - Lênin và một số vấn đề chung của môn học, những kiến thức cơ bản như: Chủ nghĩa Mác - Lênin là gì, đối tượng, mục đích, phương pháp học tập, nghiên cứu môn học, những nội dung cơ bản của chủ nghĩa duy vật biện chứng, phép biện chứng duy vật và chủ nghĩa duy vật lịch sử.

*(Thực hiện theo Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ ĐH, CĐ dùng cho người học khối không chuyên ngành Mác-Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh).*

### 11.2. Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 2: 3 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lê Nin 1.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của kinh tế chính trị, chủ nghĩa xã hội khoa học.

*(Thực hiện theo Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lý luận chính trị trình độ ĐH, CĐ dùng cho người học khối không chuyên ngành Mác - Lênin, Tư tưởng Hồ Chí Minh).*

### 11.3. Tư tưởng Hồ Chí Minh: 2 TC

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 2.

Nội dung học phần “ Tư Tưởng Hồ Chí Minh ” theo hướng dẫn Quyết định 52/2008/QĐ-BGDĐT về chương trình các môn Lí luận chính trị trình độ đại học, cao đẳng dùng cho người học khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh do Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành. Học phần cung cấp cho người học những kiến thức có tính hệ thống về tư tưởng, đạo đức, giá trị văn hoá Hồ Chí Minh; tiếp tục cung cấp những kiến thức cơ bản về chủ nghĩa Mác-Lênin; người học có những hiểu biết về nền tảng tư tưởng, kim chỉ nam cho hành động của Đảng và cách mạng Việt Nam, góp phần xây dựng nền tảng đạo đức con người mới.

#### **11.4. Đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tư tưởng Hồ Chí Minh.

Nội dung học phần “Đường lối cách mạng của Đảng cộng sản Việt Nam” theo Quyết định số 52/2008/QĐ-BGDĐT ngày 18/9/2008 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc ban hành chương trình các môn Lí luận chính trị dùng cho người học các trường đại học, cao đẳng khối không chuyên ngành Mác-Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh. Học phần cung cấp cho người học những hiểu biết cơ bản về đường lối cách mạng của Đảng từ khi thành lập Đảng đến nay, đặc biệt là trong thời kì đổi mới.

#### **11.5. Tiếng Anh 1: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản của tiếng Anh về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng ngôn ngữ - nghe, nói, đọc, viết, có thể trao đổi thông tin, hiểu được thông tin về cá nhân, gia đình, các hoạt động hàng ngày, sở thích, sự việc trong quá khứ, kế hoạch tương lai, ....

Kết thúc học phần, người học có trình độ tiếng Anh tương đương Bậc A1.

#### **11.6. Tiếng Anh 2: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 1.

Học phần tiếp tục cung cấp cho người học những kiến thức của tiếng Anh ở các bình diện ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng ngôn ngữ- nghe, nói, đọc, viết, có thể trao đổi thông tin, hiểu được thông tin về sở thích cá nhân, sự nghiệp, công việc, nghề nghiệp, trải nghiệm trong cuộc sống...

Kết thúc học phần, người học có trình độ tiếng Anh tương đương đầu Bậc A2.

#### **11.7. Tiếng Anh 3: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 2.

Học phần tiếp tục cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao của tiếng Anh về ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện, hình thành các kỹ năng ngôn ngữ- nghe, nói, đọc, viết, có thể trao đổi, hiểu được thông tin về các sự kiện trong cuộc sống, đánh giá, nhận xét, trình bày quan điểm về các vấn đề xã hội, lịch sử, văn hóa, ...

Kết thúc học phần, người học có trình độ tiếng Anh tương đương Bậc A2.

#### **11.8. Tiếng Anh 4: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tiếng Anh 3.

Học phần tiếp tục cung cấp cho người học những kiến thức nâng cao của tiếng Anh về các mặt ngữ âm, từ vựng, ngữ pháp; rèn luyện và hình thành các kỹ năng ngôn ngữ nghe, nói, đọc, viết như:

- Hiểu được các ý chính của một đoạn văn hay bài phát biểu ngắn; có thể viết đoạn văn, thư mời hoặc trả lời email (khoảng 90 đến 110 từ) về các chủ đề quen thuộc trong công việc, trường học, giải trí,... mà người học quan tâm; có thể giao tiếp được về các chủ đề quen thuộc hàng ngày như: gia đình, sở thích, công việc, du lịch và các sự kiện đang diễn ra hoặc xảy ra trong quá khứ.

- Kết nối đơn giản các nhóm từ để thuật lại một câu chuyện, sự kiện, mơ ước và hy vọng; có thể đưa ra lý do và giải thích về quan điểm, kế hoạch của mình; có thể kể lại câu chuyện đơn giản về một nhân vật nổi tiếng và bày tỏ suy nghĩ của mình.

### ***11.9. Tin học đại cương: 2 TC***

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về máy tính: một số khái niệm và hiểu biết cơ bản về tin học, hệ thống máy tính, phần mềm, hệ điều hành; phần mềm ứng dụng: phần mềm soạn thảo văn bản – MS Word, bảng tính MS Excel để tính toán, thiết kế những trang trình chiếu cơ bản với MS Powerpoint; mạng máy tính và Internet: mạng máy tính, cơ sở hạ tầng mạng, các thiết bị cần thiết trong mạng máy tính, kết nối Internet và sử dụng một số ứng dụng cơ bản trên Internet.

### ***11.10. Tiếng Việt thực hành: 2 TC***

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: kỹ năng tạo lập văn bản; kỹ năng dựng đoạn văn; kỹ năng đặt câu; kỹ năng dùng từ; kỹ năng viết chữ đúng chuẩn tiếng Việt.

### ***11.11. Mĩ học đại cương: 2 TC***

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về chủ thể thẩm mỹ, khách thể thẩm mỹ, nghệ thuật đề từ đó người học biết cảm thụ, đánh giá cái đẹp trong cuộc sống và trong nghệ thuật.

### ***11.12. Pháp luật đại cương: 2 TC***

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về Nhà nước và pháp luật; một số ngành luật trong hệ thống pháp luật Việt Nam: pháp luật dân sự và pháp luật tố tụng dân sự, pháp luật lao động, pháp luật hình sự và pháp luật tố tụng hình sự, pháp luật hành chính và pháp luật tố tụng hành chính, pháp luật về phòng, chống tham nhũng.

### ***11.13. Kỹ năng giao tiếp: 2 TC***

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho người học một số kiến thức về khái niệm giao tiếp và kỹ năng giao tiếp. Trên cơ sở đó, phát triển ở người học kỹ năng giao tiếp trong các loại hình

giao tiếp thường gặp như: giao tiếp trực tiếp, giao tiếp qua điện thoại, giao tiếp qua thư tín và giao tiếp tại văn phòng...

#### **11.14. Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1): 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học một số kiến thức và kỹ năng cơ bản về khái niệm môn bơi lội, sơ lược lịch sử bơi lội, tác dụng của môn bơi lội, kỹ thuật bơi ếch.

#### **11.15. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1): 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về nguồn gốc và sự phát triển của môn bóng đá; đặc điểm, ý nghĩa, tác dụng bóng đá đối với người tập luyện; một số điểm trong luật bóng đá 5, 7, 11 người; một số chiến thuật đơn giản trong bóng đá.

#### **11.16. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1): 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về lịch sử, quá trình phát triển môn bóng bàn; cách cầm vợt và tư thế chuẩn bị đánh bóng; kỹ thuật lúp bóng thuận tay; kỹ thuật vụt nhanh thuận tay; kỹ thuật lúp bóng trái tay; kỹ thuật vụt nhanh trái; kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay.

#### **11.17. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1): 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về lịch sử, quá trình phát triển môn bóng chuyền; nguyên lý kỹ thuật các động tác cơ bản môn bóng chuyền; kỹ thuật các động tác môn bóng chuyền.

#### **11.18. Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1): 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về lịch sử phát triển môn cầu lông; quá trình phát triển của môn cầu lông; nguyên lý kỹ thuật cầu lông; cách cầm cầu, cầm vợt và tư thế chuẩn bị; kỹ thuật di chuyển; kỹ thuật đánh cầu thấp tay bên phải (trái); kỹ thuật giao cầu thuận tay và trái tay; kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải, bên trái; kỹ thuật đập cầu thuận tay.

#### **11.19. Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1): 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về lịch sử phát triển và quá trình phát triển võ Vovinam; kỹ thuật môn võ Vovinam.

#### **11.20. Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1): 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về chạy cự li ngắn; chạy cự li trung bình; nhảy cao; nhảy xa.

#### **9.21. Giáo dục Thể chất 2 (Bóng rổ 1): 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về nguồn gốc lịch sử, những nguyên lý kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ; vận dụng được kiến thức vào thực hiện các kỹ thuật cơ bản môn bóng rổ.

### **11.22. Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 2): 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 1 (Bơi lội 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bơi ếch, kỹ thuật bơi trườn sấp.

### **11.23. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng đá 2): 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng đá 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về một số điểm trong luật bóng đá 5, 7, 11 người; một số chiến thuật nâng cao trong bóng đá; phương pháp tổ chức thi đấu trọng tài bóng đá.

### **11.24. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng bàn 2): 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng bàn 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về nguyên lý chiến thuật trong bóng bàn, Luật bóng bàn; kỹ thuật vụt nhanh thuận tay; kỹ thuật vụt nhanh trái; kỹ thuật gò bóng thuận (trái) tay; kỹ thuật giạt bóng thuận (trái) tay; kỹ thuật phát bóng.

### **11.25. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng chuyền 2): 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bóng chuyền 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật các động tác môn bóng chuyền; chiến thuật thi đấu môn bóng chuyền; phương pháp tổ chức thi đấu, chỉ đạo thi đấu và trọng tài môn bóng chuyền.

### **11.26. Giáo dục Thể chất 3 (Cầu lông 2): 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Cầu lông 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về phương pháp tổ chức thi đấu và trọng tài môn cầu lông; kỹ thuật đánh cầu cao tay bên phải (trái); kỹ thuật đánh cầu trên đỉnh đầu; kỹ thuật đập cầu; kỹ thuật đánh cầu gần lưới; chiến thuật thi đấu đơn; chiến thuật thi đấu đôi.

### **11.27. Giáo dục Thể chất 3 (Võ thuật 2): 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Võ thuật 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về nguyên lý chiến thuật, phương pháp giảng dạy, luật thi đấu môn Võ Vovinam; kỹ thuật môn võ Vovinam.

### **11.28. Giáo dục Thể chất 3 (Điền kinh 2): 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về nguyên lý kỹ thuật nhảy cao, nhảy xa; các giai đoạn của kỹ thuật nhảy cao, nhảy xa; một số điển luật - phương pháp trọng tài của môn nhảy cao và nhảy xa.

### **11.29. Giáo dục Thể chất 3 (Bóng rổ 2): 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Điền kinh 1).

Học phần trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng thực hành cơ bản về kỹ thuật môn bóng rổ, chiến thuật trong môn bóng rổ; thực hiện tốt các kỹ thuật cơ bản của môn bóng rổ vào thi đấu.

### **11.30. Giáo dục Thể chất 3 (Bơi lội 3): 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Thể chất 2 (Bơi lội 2).

Học phần tiếp tục trang bị cho người học kiến thức và kỹ năng cơ bản về kỹ thuật bơi trườn sấp; Nắm được các bài tập hỗ trợ kỹ thuật chuyên môn, các bài tập thể lực chuyên môn và thực hiện được kỹ thuật bơi trườn sấp, áp dụng vào tập luyện.

### **11.31. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về đối tượng và phương pháp nghiên cứu môn học; quan điểm của chủ nghĩa Mác - Lênin, tư tưởng Hồ Chí Minh về chiến tranh, quân đội và bảo vệ tổ quốc; xây dựng nền quốc phòng toàn dân, an ninh nhân dân; chiến tranh nhân dân bảo vệ tổ quốc Việt Nam xã hội chủ nghĩa; xây dựng lực lượng vũ trang nhân dân Việt Nam; kết hợp phát triển kinh tế - xã hội với tăng cường củng cố quốc phòng - an ninh; nghệ thuật quân sự Việt Nam.

### **11.32. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Quốc phòng - An ninh 1.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về phòng chống chiến lược "Diễn biến hoà bình", "Bạo loạn lật đổ" của các thế lực thù địch đối với cách mạng Việt Nam; phòng chống địch tiến công hoà lực bằng vũ khí công nghệ cao; xây dựng lực lượng dân quân tự vệ, lực lượng dự bị động viên và động viên công nghiệp quốc phòng; xây dựng và bảo vệ chủ quyền lãnh thổ, biên giới quốc gia; một số nội dung cơ bản về dân tộc, tôn giáo và đấu tranh phòng chống địch lợi dụng vấn đề dân tộc và tôn giáo chống phá cách mạng Việt Nam; những vấn đề cơ bản về bảo vệ an ninh quốc gia và giữ gìn trật tự an toàn xã hội; những vấn đề cơ bản về đấu tranh phòng chống tội phạm và tệ nạn xã hội; xây dựng phong trào toàn dân bảo vệ an ninh Tổ quốc.

### **11.33. Giáo dục Quốc phòng - An ninh 3: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Giáo dục Quốc phòng - An ninh 2.

Học phần trang bị cho người học kiến thức cơ bản về đội ngũ đơn vị và 3 môn quân sự phối hợp; sử dụng bản đồ địa hình quân sự; giới thiệu một số loại vũ khí bộ binh; thuốc nổ; phòng chống vũ khí hủy diệt lớn; cấp cứu ban đầu vết thương chiến tranh; từng người trong chiến đấu tấn công và phòng ngự; kỹ thuật bắn súng tiểu liên AK.

### **11.34. Cơ sở văn hóa Việt Nam: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không

Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản về khái niệm văn hoá, không gian văn hóa Việt Nam, loại hình văn hóa Việt Nam; tiến trình văn hoá Việt Nam; các thành tố của văn hoá Việt Nam (văn hoá nhận thức, văn hoá tổ chức cộng đồng, văn hoá ứng xử với môi trường tự nhiên, văn hoá ứng xử với môi trường xã hội); bản sắc văn



hóa dân tộc; vai trò, trách nhiệm của người học trong việc giữ gìn, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc.

### **11.35. Logic học: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác - Lênin 1.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về logic hình thức như: các quy luật cơ bản của logic học, kết cấu logic của các hình thức cơ bản của tư duy (khái niệm, phán đoán, suy luận) để từ đó giúp cho người học hoàn thiện phương pháp suy luận của bản thân trong hoạt động nhận thức khoa học và các hoạt động thực tiễn.

### **11.36. Lịch sử văn minh thế giới: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về quá trình hình thành và phát triển những thành tựu văn hóa, văn minh nhân loại; những nền văn minh lớn trên thế giới thời kì cổ trung đại; những thành tựu về khoa học kĩ thuật của nền văn minh thế giới thế kỉ XX.

### **11.37. Lịch sử tư tưởng phương Đông: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Những nguyên lý cơ bản của chủ nghĩa Mác – Lênin 1.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản, có hệ thống về lịch sử tư tưởng phương Đông như: lịch sử tư tưởng Trung Quốc, lịch sử tư tưởng Ấn Độ, lịch sử tư tưởng Á Rập, lịch sử tư tưởng Việt Nam trước thế kỉ XX và ảnh hưởng của nó đối với các quốc gia ở phương Đông cũng như Việt Nam để người học có kiến thức nghiên cứu các vấn đề khác về văn hóa học, văn học, triết học...

### **11.38. Cơ sở ngôn ngữ học: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức cơ bản, cập nhật, hiện đại về ngôn ngữ như: khái niệm ngôn ngữ và ngôn ngữ học; bản chất xã hội và chức năng của ngôn ngữ; nguồn gốc và sự phát triển của ngôn ngữ; bản chất tín hiệu của ngôn ngữ; quan hệ nội nguồn của ngôn ngữ; các loại hình ngôn ngữ, chữ viết.

### **11.39. Đại cương các loại hình nghệ thuật: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần này trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về nguồn gốc ra đời và sự phát triển của các loại hình nghệ thuật: kiến trúc, điêu khắc, hội họa, âm nhạc, múa, kịch, điện ảnh, văn học; các thành tựu cơ bản của nghệ thuật phương Tây, phương Đông, hiện đại; các phương pháp sáng tác chủ yếu của nghệ thuật; hiện tượng nghệ thuật; cách thưởng thức nghệ thuật thông qua các loại hình và loại thể.

### **11.40. Cơ sở lý luận báo chí: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản sau: những vấn đề chung về báo chí; báo chí - loại hình hoạt động thông tin chính trị - xã hội; chức năng của báo chí; vấn đề giai cấp và tự do báo chí; báo chí và luật pháp; hiệu quả báo chí; lao động sáng tạo trong hoạt động báo chí; nhà báo.

### **11.41. Tổng quan văn học Việt Nam: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở văn hóa Việt Nam.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức khái quát về cơ sở của văn học Việt Nam; mối quan giữa văn học dân gian và văn học viết Việt Nam, văn học Việt Nam với các hệ tư tưởng nước ngoài, văn học Việt Nam với văn học Trung Quốc và văn học Pháp; những chủ đề lớn, những nội dung tư tưởng cơ bản của văn học Việt Nam; văn học Việt Nam với thẩm mỹ dân tộc.

#### ***11.42. Văn học dân gian Việt Nam: 3 TC***

Điều kiện tiên quyết: Tổng quan văn học Việt Nam.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản về khái niệm, đặc trưng, nội dung và thi pháp nghệ thuật một số thể loại văn học dân gian của dân tộc Kinh như: thần thoại, truyền thuyết, truyện cổ tích, truyện ngụ ngôn, truyện cười, tục ngữ, câu đố, vè, chèo cổ; tầm quan trọng của việc sưu tầm văn học dân gian và phương pháp sưu tầm văn học dân gian.

#### ***11.43. Văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam: 2 TC***

Điều kiện tiên quyết: Văn học dân gian Việt Nam.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về nội dung và thi pháp nghệ thuật của một số thể loại văn học dân gian các dân tộc thiểu số Việt Nam như: thần thoại, truyện cổ tích, tục ngữ, ca dao, dân ca, sử thi, truyện thơ.

#### ***11.44. Văn học Việt Nam trung đại: 3 TC***

Điều kiện tiên quyết: Văn học dân gian Việt Nam.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về văn học Việt Nam trung đại từ thế kỉ X đến thế kỉ XIX: khái niệm văn học trung đại; thành tựu cơ bản và đặc điểm mỗi giai đoạn văn học trong tiến trình văn học trung đại; một số tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam trung đại.

#### ***11.45. Văn học Việt Nam hiện đại: 4 TC***

Điều kiện tiên quyết: Văn học Việt Nam trung đại.

Học phần trang bị cho người học những tri thức cơ bản về vị trí, diện mạo, quá trình phát triển, đặc điểm, thành tựu chủ yếu của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay; các bộ phận chính; những khuynh hướng nổi bật; các thể loại, tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay.

#### ***11.46. Văn học hiện đại các dân tộc thiểu số Việt Nam: 2 TC***

Điều kiện tiên quyết: Văn học Việt Nam hiện đại.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quá trình phát triển của văn học hiện đại các dân tộc thiểu số Việt Nam; thành tựu chủ yếu của thơ, văn xuôi, kịch và nghiên cứu, lí luận phê bình văn học hiện đại các dân tộc thiểu số Việt Nam; một số tác giả và tác phẩm tiêu biểu của văn học hiện đại các dân tộc thiểu số Việt Nam.

#### ***11.47. Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm: 3 TC***

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về chữ Hán, chữ Nôm và các thành tố cấu thành của chữ Hán, chữ Nôm từ góc nhìn ngôn ngữ và văn học như: lịch sử hình thành, diễn biến cấu tạo... của chữ Hán, chữ Nôm; tiến trình Hán văn Việt Nam;

kĩ năng đọc văn bản, phiên âm, dịch nghĩa, chú thích... một số văn bản thơ ca, văn bản biên ngẫu và văn xuôi trong Hán văn cổ Việt Nam. Qua việc đọc và minh giải văn bản, người học hiểu một số lượng ngữ liệu Hán - Nôm nhất định, làm cơ sở ngữ liệu cho các môn học khác trong chương trình Văn học – Truyền thông.

**11.48. Văn học thế giới: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về quá trình hình thành, phát triển của văn học thế giới; cuộc đời và sự nghiệp văn học của một số tác gia; giá trị nội dung, nghệ thuật của một số tác phẩm tiêu biểu trong kho tàng văn học thế giới từ cổ đại đến thế kỉ XX.

**11.49. Ngữ âm tiếng Việt hiện đại: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở ngôn ngữ học.

Học phần cung cấp cho người học một số vấn đề đại cương về tiếng Việt, những đặc điểm cơ bản của âm tiết tiếng Việt và hệ thống âm vị tiếng Việt.

**11.50. Từ vựng - Ngữ nghĩa tiếng Việt: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ âm tiếng Việt hiện đại.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm từ vựng, đơn vị từ vựng và từ tiếng Việt; đặc điểm cấu tạo của từ, ngữ cố định, nghĩa của từ, các thành phần ý nghĩa trong từ (nghĩa biểu vật, biểu niệm, biểu thái); hiện tượng nhiều nghĩa, hiện tượng chuyển biến ý nghĩa trong từ, hệ thống từ vựng (trường từ vựng - ngữ nghĩa, từ đồng nghĩa, trái nghĩa, đồng âm); quan hệ ngữ nghĩa trong trường từ vựng - ngữ nghĩa; các lớp từ vựng.

**11.51. Ngữ pháp tiếng Việt: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Từ vựng - Ngữ nghĩa tiếng Việt.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về từ loại, cụm từ, ngữ pháp trong tiếng Việt; hệ thống về các đơn vị ngữ pháp được dạy trong chương trình và sách giáo khoa Ngữ văn Trung học cơ sở, Trung học phổ thông.

**11.52. Văn bản tiếng Việt: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngữ pháp tiếng Việt.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về: cấu trúc nội dung và bố cục của văn bản, mạch lạc trong văn bản, cấu tạo của đoạn văn, liên kết trong tiếng Việt, các kiểu văn bản thường dùng trong nhà trường phổ thông.

**11.53. Phong cách học tiếng Việt: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Văn bản tiếng Việt.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản như: những khái niệm cơ bản phong cách học tiếng Việt, các phong cách chức năng trong tiếng Việt, các phương tiện tu từ và biện pháp tu từ tiếng Việt, việc nghiên cứu và giảng dạy phong cách học trong nhà trường.

**11.54. Ngữ dụng học tiếng Việt: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Văn bản tiếng Việt.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức sau: những khái niệm cơ bản về ngữ dụng học, chiếu vật, chỉ xuất, hành động ngôn ngữ; lập luận, hội thoại; nghĩa tường minh, nghĩa hàm ẩn trong tiếng Việt.

**11.55. Tiến trình thơ Việt Nam hiện đại: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Văn học Việt Nam hiện đại.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản, hệ thống về thơ, thơ Việt Nam hiện đại và những tiêu chí nhận diện; hiểu tiến trình vận động của thơ Việt Nam thế kỉ XX qua các giai đoạn phát triển chính gắn với các thế hệ nhà thơ; diện mạo thơ Việt Nam thế kỉ XX ở các cấp độ: sự nối tiếp của các kiểu nhà thơ, nội dung cảm hứng, sự vận động của cái tôi trữ tình, nhân vật trữ tình, sự vận động của thể loại và ngôn ngữ thơ.

**11.56. Lí luận văn học 1 (Nguyên lí lí luận văn học): 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức cơ bản: khái quát về lí luận văn học; văn học là một hình thái ý thức thẩm mỹ; văn học và cuộc sống con người; văn học - nghệ thuật ngôn từ; nghệ sĩ và quá trình sáng tạo văn học; tiếp nhận, thưởng thức và sáng tác văn học; chức năng của văn học.

**11.57. Lí luận văn học 2 (Tác phẩm và loại thể văn học): 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Lí luận văn học 1 (Nguyên lí lí luận văn học).

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về các phương thức tồn tại của văn học - văn bản và tác phẩm nằm trong hai yếu tố nội dung và hình thức nghệ thuật của tác phẩm văn học (ngôn từ, thế giới nghệ thuật, sự kiện, cốt truyện và trần thuật; nhân vật; kết cấu tác phẩm...); các kiến thức lí luận cơ bản nhất về các thể loại văn học như: thơ ca, truyện và tiểu thuyết, văn học kịch, kí văn học, tác phẩm chính luận bao gồm khái niệm, đặc trưng và phân loại từng thể loại; kiến thức cơ bản về các thể loại văn học trung đại Việt Nam thông dụng nhất.

**11.58. Lí luận văn học 3 (Tiến trình văn học): 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Lí luận văn học 2 (Tác phẩm và loại thể văn học).

Học phần cung cấp cho người học hệ thống tri thức cơ bản của tiến trình văn học; khái quát những điều kiện nảy sinh, nguyên tắc sáng tác và công hiến nghệ thuật của những phương pháp sáng tác tiêu biểu trong nền văn học nhân loại: phương pháp sáng tác của văn chương Hy Lạp cổ đại, phương pháp sáng tác của văn chương Phục hưng, phương pháp sáng tác của chủ nghĩa cổ điển, phương pháp sáng tác của chủ nghĩa lãng mạn, phương pháp sáng tác của văn chương hiện thực phê phán thế kỷ XIX, phương pháp sáng tác của văn chương có tính định hướng XHCN và các loại chủ nghĩa hiện đại.

**11.59. Văn học địa phương Tuyên Quang: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Văn học Việt Nam hiện đại.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tiến trình phát triển văn học Tuyên Quang; giá trị nội dung và nghệ thuật của một số thể loại văn học dân gian Tuyên Quang; những thành tựu, tác giả, tác phẩm tiêu biểu của văn học viết Tuyên Quang; hiểu được vị trí, vai trò của văn học Tuyên Quang trong dòng chảy văn học của cả nước.

### **11.60. Phương pháp nghiên cứu, phê bình Văn học: 4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức sau: đại cương về phương pháp luận nghiên cứu văn học, phương pháp luận lí luận, phê bình văn học, các phương pháp nghiên cứu, phê bình văn học nhằm làm tiền đề cho việc tiếp cận nghiên cứu các tác phẩm văn học trong nước và thế giới.

### **11.61. Phương pháp sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian : 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Văn học dân gian Việt Nam.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian, phương pháp nghiên cứu văn học dân gian và các phương pháp nghiên cứu văn học dân gian.

### **11.62. Kỹ năng đọc - hiểu văn bản: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản và kỹ năng cần thiết về đọc - hiểu văn bản: Một số vấn đề chung về đọc - hiểu văn bản, quy trình đọc - hiểu văn bản.

### **11.63. Thi pháp văn học Việt Nam trung đại: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học hệ thống kiến thức lí luận về thi pháp, thi pháp học, thi pháp văn học Việt Nam trung đại; các đặc điểm loại hình của văn học Việt Nam trung đại. Trên cơ sở đó, người học biết vận dụng vào thực tiễn tìm hiểu, phân tích các tác phẩm văn học Việt Nam trung đại và giảng dạy các tác phẩm văn học trung đại Việt Nam trong dạy học Ngữ văn ở nhà trường THPT.

### **11.64. Thành ngữ trong văn bản nghệ thuật: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về thành ngữ: khái niệm, đặc trưng, nguồn gốc, cấu tạo của thành ngữ tiếng Việt và việc vận dụng thành ngữ tiếng Việt và hiệu quả của việc sử dụng thành ngữ tiếng Việt trong một số văn bản nghệ thuật.

### **11.65. Từ trong hoạt động giao tiếp: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về nghĩa của từ trong hệ thống và các vấn đề văn hoá - tư duy - ngôn ngữ cộng đồng, từ trong hoạt động giao tiếp, quan hệ giữa kiểu ý nghĩa và kiểu cấu tạo từ, cấu trúc ý nghĩa biểu niệm và hoạt động ngữ pháp của từ, yêu cầu sử dụng từ trong hoạt động giao tiếp.

### **11.66. Thực tế Văn học: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản liên quan đến thực tế văn học; đồng thời, giúp người học củng cố, hiểu sâu và mở rộng kiến thức văn học dân gian, văn học viết Việt Nam, lí luận văn học... qua thực tế văn học tại những địa danh như: Nà Hang, khu di tích lịch sử quốc gia đặc biệt Tân Trào (Tuyên Quang), khu di

tích Đền Sóc (Hà Nội), chùa Dâu, chùa Bút Tháp, chùa Phật Tích (Bắc Ninh), Vịnh Hạ Long (Quảng Ninh), khu di tích Côn Sơn - Kiếp Bạc (Hải Dương), khu di tích Nguyễn Du (Hà Tĩnh), khu di tích Kim Liên (Nghệ An), Bến Nhà Rồng (Thành phố Hồ Chí Minh), Mũi Cà Mau (Cà Mau), đảo Côn Đảo (Bà Rịa - Vũng Tàu)...

**11.67. Đại cương truyền thông: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về khái niệm truyền thông; quá trình truyền thông; một số lý thuyết truyền thông; truyền thông cá nhân, truyền thông nhóm; truyền thông đại chúng; lập kế hoạch truyền thông; giám sát, đánh giá và duy trì hoạt động truyền thông.

**11.68. Lao động nhà báo: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Cơ sở lý luận báo chí.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về các quan niệm về nhà báo; trách nhiệm xã hội và nghĩa vụ công dân của nhà báo; đặc thù lao động của nhà báo; quy trình sáng tạo tác phẩm báo chí; những căn cứ để xác định đề tài, chủ đề, khai thác tài liệu, văn bản trong nghiệp vụ báo chí, quan sát của nhà báo, phỏng vấn của nhà báo.

**11.69. Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp nhà báo: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Lao động nhà báo.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về pháp luật báo chí: khái niệm, quy định của pháp luật đối với hoạt động báo chí; đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm xã hội của nhà báo; nhận thức chung về đạo đức nghề nghiệp của nhà báo; chuẩn mực đạo đức trong các mối quan hệ nghề nghiệp của nhà báo.

**11.70. Các loại hình báo chí - truyền thông: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Pháp luật và đạo đức nghề nghiệp nhà báo.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức và kỹ năng cơ bản về các loại hình báo chí - truyền thông: báo in, phát thanh (báo nói), truyền hình, báo điện tử và các loại hình báo chí truyền thông khác (báo chí công dân, sách và xuất bản sách, quảng cáo, ảnh báo chí).

**11.71. Truyền thông đa phương tiện: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các loại hình báo chí - truyền thông.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về cả phương diện lý thuyết và công nghệ trong lĩnh vực truyền thông đa phương tiện trên mạng máy tính: các khái niệm cơ bản về dữ liệu đa phương tiện, xử lý và truyền thông đa phương tiện; ứng dụng và phân loại các hệ thống đa phương tiện; các phương pháp biểu diễn, các đặc tính cơ bản và các yêu cầu của dữ liệu đa phương tiện (âm thanh, hình ảnh, video kỹ thuật số); nguyên lý, kỹ thuật và các chuẩn nén dữ liệu: âm thanh, hình ảnh và các video kỹ thuật số; các khái niệm, các yêu cầu và các kỹ thuật được sử dụng để đảm bảo chất lượng dịch vụ từ đầu này đến đầu kia của truyền thông đa phương tiện; các yêu cầu và cơ chế đồng bộ hóa trong truyền thông đa phương tiện.

**11.72. Tác phẩm báo chí: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các loại hình báo chí - truyền thông.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tác phẩm báo chí. Cụ thể: Phần I - Tác phẩm báo chí: lí luận chung về tác phẩm báo chí; yếu tố nội dung của tác phẩm báo chí; các yếu tố hình thức của tác phẩm báo chí; quy định sáng tạo tác phẩm báo chí; Phần II - Tác phẩm xuất bản: một số khái niệm liên quan; loại hình tác phẩm xuất bản; những yêu cầu cơ bản về chất lượng của tác phẩm xuất bản; các bước gia công, biên tập để hoàn chỉnh tác phẩm xuất bản; thiết kế chỉnh thể tác phẩm xuất bản.

### **11.73. Tin, phóng sự, bình luận: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tác phẩm báo chí.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tin, phóng sự, bình luận trong lĩnh vực báo chí, truyền thông. Cụ thể: quan niệm chung về tin, tiêu chí viết tin đúng, kĩ thuật viết tin, các dạng tin, nguồn tư liệu để viết tin và tổ chức sự kiện; khái niệm phóng sự, đặc trưng cơ bản của phóng sự, kết cấu và bố cục bài phóng sự, các loại phóng sự, kĩ thuật viết phóng sự; khái niệm bình luận, đặc điểm của bình luận báo chí, các dạng bài bình luận báo chí, kĩ thuật viết bình luận.

### **11.74. Ảnh báo chí: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Các loại hình báo chí - truyền thông.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về kĩ thuật nhiếp ảnh (các tính năng kĩ thuật cơ bản của máy ảnh, kĩ thuật chụp ảnh chân dung, kĩ thuật chụp ảnh phong cảnh, kĩ thuật chụp ảnh thể thao); lịch sử nhiếp ảnh, lịch sử ảnh báo chí; sự khác biệt giữa nội dung ảnh sự kiện và ảnh vấn đề; sự khác biệt giữa các hình thức thể hiện ảnh đơn, ảnh bộ và phóng sự ảnh; kĩ thuật viết chú thích ảnh cho ảnh đơn và đề dẫn cho ảnh bộ hay ảnh phóng sự.

### **11.75. Ngôn ngữ báo chí: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Tác phẩm báo chí.

Học phần trang bị cho người học các kiến thức về: ngôn ngữ chuẩn mực, ngôn ngữ các phong cách, ngôn ngữ của tên riêng trên báo chí, thuật ngữ khoa học, danh pháp khoa học, ký hiệu khoa học, chữ tắt và số liệu trên báo chí; ngôn ngữ tit báo, phát thanh, tin quốc tế đối nội, sách tra cứu báo chí học, hệ thuật ngữ báo chí; ngôn ngữ thông tin phi văn tự và ngôn ngữ ma kết, quảng cáo báo và quảng bá báo chí.

### **11.76. Tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ báo chí.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về tổ chức và hoạt động của cơ quan báo chí: các khái niệm và thuật ngữ, những điều kiện pháp lí để thành lập cơ quan báo chí, cơ cấu tổ chức nhân sự và mô hình hoạt động cơ quan báo chí, quy trình sản xuất sản phẩm báo chí; tổ chức và hoạt động của nhà xuất bản: điều kiện pháp lí cho sự ra đời nhà xuất bản, cơ chế quản lí các nhà xuất bản, mô hình tổ chức của các nhà xuất bản, đội ngũ lao động và cấp quản trị trong nhà xuất bản, các loại hình nhà xuất bản hiện nay, phương thức hoạt động của nhà xuất bản, thực tế hoạt động xuất bản hiện nay.

### **11.77. Truyền thông quốc tế: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về truyền thông quốc tế: lịch sử hình thành và phát triển của báo chí thế giới, toàn cầu hóa thông tin, ngành kinh

doanh thông tin toàn cầu, quản lý cơ quan báo chí – thông tin toàn cầu, tập đoàn báo chí – truyền thông.

**11.78. Tổ chức và hoạt động của tòa soạn: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về mô hình tổ chức và hoạt động của tòa soạn: tòa soạn báo; cơ cấu tổ chức, bộ máy tòa soạn; đặc điểm lao động báo chí ở tòa soạn; công tác phóng viên; công tác kế hoạch; công tác bản đọc; quá trình thực hiện các sản phẩm báo chí; phương tiện làm việc; nguồn tin của nhà báo; công tác phát hành báo chí.

**11.79. Biên tập báo chí: 2 TC**

Điều kiện tiên quyết: Không.

Học phần trang bị cho người học những kiến thức cơ bản về công tác biên tập: kỹ năng biên tập, công tác đề tài, đăng ký kế hoạch xuất bản, công tác cộng tác viên, biên tập bản thảo.

**11.80. Thực tập 1 (Văn học): 4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu và phê bình Văn học; Phương pháp sưu tầm, nghiên cứu văn học dân gian

Học phần giúp người học củng cố và khắc sâu kiến thức các học phần thuộc chuyên ngành Văn học; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các tình huống thực tế liên quan đến chuyên ngành Văn học.

**11.81. Thực tập 2 (Truyền thông): 4 TC**

Điều kiện tiên quyết: Ngôn ngữ báo chí; Tin, phóng sự, bình luận; Tổ chức hoạt động tòa soạn; Tổ chức sản xuất sản phẩm báo chí.

Học phần giúp người học củng cố và khắc sâu kiến thức các học phần thuộc chuyên ngành Truyền thông; rèn luyện kỹ năng vận dụng kiến thức vào việc giải quyết các tình huống thực tế liên quan đến chuyên ngành Truyền thông.

**11.82. Khóa luận tốt nghiệp: 6 TC**

Điều kiện tiên quyết: Phương pháp nghiên cứu, phê bình Văn học.

Người học hiểu và biết vận dụng những kiến thức, kỹ năng đã học vào nghiên cứu một hay một số vấn đề lý thuyết hoặc thực tiễn của ngành Văn học - Truyền thông: nghiên cứu cơ sở lý luận, khảo sát về vấn đề nghiên cứu, vận dụng các phương pháp nghiên cứu và kiến thức đã học vào tìm hiểu, phân tích, rút ra những kết luận về vấn đề nghiên cứu.

*(Người học thực hiện khóa luận tốt nghiệp theo kế hoạch của nhà trường.)*

**11.83. Phương ngữ học tiếng Việt: 3 TC**

Điều kiện tiên quyết: Văn bản tiếng Việt.

Học phần cung cấp cho người học những tri thức căn bản về phương ngữ học tiếng Việt và các phương pháp, thao tác cụ thể để phân tích, nghiên cứu các vấn đề thực tiễn của phương ngữ trong văn học địa phương, gợi mở cho người học những xu hướng nghiên cứu về phương ngữ học tiếng Việt hiện đại.

**11.84. Phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ: 3 TC**



Điều kiện tiên quyết: Văn bản tiếng Việt.

Học phần cung cấp cho người học những tri thức căn bản sau: Dẫn luận về phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ, các phương pháp nghiên cứu ngôn ngữ, quy trình thực hiện đề tài nghiên cứu ngôn ngữ.

## **12. Hướng dẫn thực hiện chương trình**

### **12.1. Quy định chung**

Chương trình đào tạo trình độ Đại học chuyên ngành Văn học - Truyền thông được thiết kế theo hình thức tín chỉ (Theo Văn bản hợp nhất số 17/VBHN-BGDĐT ngày 15/5/2014 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về hợp nhất Quyết định số 43/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13/08/2007 và Thông tư số 57/2012/TT-BGDĐT ngày 27/12/2012 về Quy chế đào tạo đại học và cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ; Quyết định số 1838/QĐ-ĐHTTr ngày 28/09/2015 của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về ban hành Quy định đào tạo đại học, cao đẳng hệ chính quy theo hệ thống tín chỉ), đồng thời tuân thủ đúng quy định về chương trình khung và các văn bản có liên quan khác của Bộ Giáo dục và Đào tạo, Trường Đại học Tân Trào.

Chương trình được thiết kế theo hướng phát huy cao độ tinh thần chủ động, sáng tạo của người học, tích hợp chuyên môn và nghiệp vụ, tạo điều kiện thuận lợi cho người học sau này ra trường có thể đảm nhiệm tốt những công việc phù hợp với chuyên ngành được đào tạo.

Khi thực hiện nội dung chương trình, phòng, khoa, trung tâm, tổ bộ môn phải thực hiện đúng theo chương trình đào tạo và đề cương chi tiết học phần đã được duyệt. Nếu có những nội dung cần thay đổi, phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

Khoa, trung tâm, tổ bộ môn xây dựng đủ đề cương bài giảng, ngân hàng dữ liệu để phục vụ cho giảng dạy theo hướng tích cực hóa hoạt động của người học, đặc biệt là hướng dẫn người học tự đọc, tự nghiên cứu tài liệu. Cần phải đảm bảo các điều kiện tối thiểu: giáo trình, tài liệu tham khảo, thiết bị dạy học.

Trong đề cương chi tiết học phần, cần chú ý đến mối liên quan và sự tích hợp giữa các học phần như: học phần Cơ sở Ngữ văn Hán Nôm, Cơ sở văn hóa Việt Nam với các học phần văn học Việt Nam; học phần Tiếng Việt thực hành với các học phần ngôn ngữ; lí luận văn học với các học phần văn học, các học phần lí thuyết với các học phần phương pháp sư phạm, nghiên cứu văn học, rèn kĩ năng, nghiệp vụ...

Đối với các học phần nặng về lí thuyết, cần tổ chức việc dạy và học theo yêu cầu phát huy tính chủ đạo của người dạy, tính chủ động, tích cực của người học. Ngoài việc sử dụng những phương pháp phổ biến thuộc nhóm dạy học dùng ngôn ngữ như phương pháp thuyết trình, phương pháp đàm thoại và nêu vấn đề..., cần đặc biệt chú ý nhóm các phương pháp trình bày trực quan, thực hành, phối hợp các phương pháp dạy học đặc thù của ngành học, phù hợp với mục đích, nội dung và điều kiện dạy học, tổ chức việc dạy và học theo định hướng phát huy tính tự lực, sáng tạo, khả năng cộng tác, làm việc nhóm của người học thông qua các nhiệm vụ học tập. Đảm bảo mối quan hệ chặt chẽ giữa đào tạo lí thuyết và thực hành, thực tế. Thông qua hoạt động thực hành, thực tế hình thành cho người học những kĩ năng cơ bản thuộc ngành đào tạo, rèn luyện tác phong lao động nghề nghiệp cho người học. Tăng cường hoạt động tự nghiên cứu, hình thức giao nhiệm vụ cho người học và tổ chức học tập, hoạt động theo nhóm. Hướng dẫn người học làm quen với việc giải quyết các vấn đề thuộc phạm vi chuyên môn, một số vấn đề phức hợp trong mối liên hệ với các lĩnh vực liên quan.

Kế hoạch giảng dạy và phân công giảng viên lên lớp phải được bố trí hợp lý về chuyên môn, theo đặc thù của ngành, của từng đơn vị và phải được Ban Giám hiệu duyệt trước khi thực hiện.

Chương trình đào tạo được thực hiện trong 4 năm, mỗi năm học được chia thành 2 học kì; thời gian thực học của mỗi học kì là 18 tuần (trong đó có 3 tuần ôn và thi kết thúc học phần). Trong từng năm học, có thể tổ chức học thêm học kì phụ (trong kì nghỉ hè). Cuối khóa, người học làm khóa luận tốt nghiệp hoặc học hai học phần thay thế khóa luận tốt nghiệp và thi kết thúc hai học phần đó.

### ***12.2. Hướng dẫn tổ chức kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần***

Kiểm tra giữa kì và thi kết thúc học phần thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ chủ quản và quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào.

### ***12.3. Hướng dẫn xét tốt nghiệp và công nhận tốt nghiệp***

Hướng dẫn xét tốt nghiệp và điều kiện công nhận tốt nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ chủ quản và Quyết định của Hiệu trưởng Trường Đại học Tân Trào về việc ban hành quy định đào tạo hệ đại học, cao đẳng chính quy theo hệ thống tín chỉ.

**HIỆU TRƯỞNG**

**Đã ký**

**PGS.TS. Nguyễn Bá Đức**